TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ XUYÊN
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 23/2017/DS-ST
Ngày: 11/08/2017
V*/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYÊN

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Dương Hải
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Lâm Thị Tám
2. Bà Lý Thị Đào

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Tô Văn Đằng – Thư ký Toà án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Mã Quế Khanh– Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 08 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 31/2017/TLST-DS, ngày 27 tháng 03 năm 2017 về "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2017QĐXXST-DS, ngày 04/07/2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Vương Mỹ L, sinh năm 1959.(có mặt)

Địa chỉ: Số 31 đường M, khóm N, phường P, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1972.(Nguyễn Thị Ngọc T) (có mặt).

Địa chỉ: Số 29/11 ấp A, thị trấn B, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

-*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ông Vương Tuấn P**,** sinh năm 1972.(có mặt)

Địa chỉ: Số 31 đường M, khóm N, phường P, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/07/2016 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà sơ thẩm, nguyên đơn bà Vương Mỹ L trình bày:

Vào ngày 27/07/2012 bà có cho bà Nguyễn Ngọc T mượn tiền để làm ăn số tiền là 50.000.000đ, lãi suất 3%/tháng, thời hạn trong vòng 02 năm bà T sẽ trả, đóng lãi hàng tháng. Sau khi vay bà T không đóng lãi cho bà số tiền nào và kéo dài 02 năm không thanh toán. Ngoài ra bà có thống nhất thoả thuận với bà T sẽ giảm lãi suất xuống còn 2%/tháng để bà T bán đất của bà T tại đường Lê Duẫn để trả nợ nhưng sau đó bà T vẫn không thanh toán cho bà số tiền nào. Nay bà L yêu cầu bà T hoàn trả số tiền vốn là 50.000.000đ và lãi suất theo quy định của pháp luật. Ngoài ra bà L không đồng ý với lời trình bày của bà T về việc bà T cho rằng không quen biết bà L mà chỉ

biết ông P vì ông P là người giao dịch với bà T, thực tế số tiền 50.000.000đ này là của bà, do ông P kêu bà đưa cho bà T vay nên bà mới đồng ý đưa cho ông P vì vậy số tiền này là tiền của bà chứ không phải tiền của ông P và bà T phải có trách nhiệm thanh toán cho bà theo biên nhận nợ bà T đã ký.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 08/03/2017 và bản tự khai ngày 14/7/2017 cũng như tại phiên toà sơ thẩm, bị đơn bà Nguyễn Ngọc T trình bày:

Bà T không thống nhất với lời trình bày của bà L bởi vì bà không quen biết và không vay tiền của bà L, nhưng vào khoảng tháng 5/2011 bà có vay của ông Vương Tuấn P số tiền 15.000.000đ, lãi suất 4.500.000đ/tháng, trả góp lãi hàng ngày, mỗi ngày là 150.000đ, sau khi vay bà đã góp lãi cho ông P từ tháng 5 đến tháng 12 năm 2011 là 08 tháng lãi, từ tháng 01 đến tháng 07 năm 2012 bà chưa đóng lãi thêm cho ông P số tiền nào, đến ngày 27/7/2012 ông P kêu bà ký vào tờ biên nhận lập ngày 27/7/2012 nội dung bà có nợ 50.000.000đ. Trong số tiền 50.000.000đ thì có nợ gốc là 15.000.000đ, nợ của 8 tháng lãi là 36.000.000đ, bà xin ông P bớt 1.000.000đ, tổng cộng là 50.000.000đ, kể từ khi làm biên nhận thì bà có đóng lãi cho ông P thêm được một số tiền nhưng bà không nhớ cụ thể là bao nhiêu. Chữ viết Vương Mỹ L là người cho vay trong biên nhận không phải do bà viết mà bà L viết, các chữ còn lại thì do bà viết, bà thừa nhận có ký vào biên nhận này. Nay bà L và ông P yêu cầu bà hoàn trả số tiền 50.000.000đ bà không đồng ý trả mà chỉ đồng ý trả vốn là 15.000.000đ.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vương Tuấn P trình bày:

Vào ngày 27/7/2012 ông có cho bà T vay tiền 50.000.000đ, lãi suất thoả thuận ban đầu là 5%/tháng, thời hạn vay là 02 năm, sau khi vay trong 02 năm bà T không hoàn trả vốn và lãi cho ông số tiền nào. Sau đó ông có thoả thuận với bà T sẽ giảm lãi suất xuống cho bà T còn 3%/tháng nhưng bà T cũng không thực hiện, đến năm 2015 ông đồng ý giảm lãi cho bà T chỉ còn 02%/tháng với điều kiện bà T phải trả vốn và lãi một lần, bà T còn hứa sau khi bán được phần đất của bà T sẽ thanh toán vốn lãi nhưng cũng không thanh toán và kéo dài cho tới nay. Ngoài ra số tiền 50.000.000đ này không phải tiền của ông mà là của chị ruột ông là bà Vương Mỹ L đưa cho ông để ông đưa cho bà T vay, lúc cho vay ông cũng có nói với bà T đây là tiền của bà L và yêu cầu bà T đã làm biên nhận nợ cho bà L. Nay ông P yêu cầu bà T phải hoàn trả cho bà L vốn là 50.000.000đ và lãi suất theo quy định của pháp luật

Tại phiên toà nguyên đơn xin thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu toà án buộc bà T trả 50.000.000đ vốn không yêu cầu tính lãi . HĐXX xét thấy việc thay đổi yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm pháp luật, vì vậy áp dụng khoản 1 điều 244 BLTTTDS chấp nhận sự thay đổi việc khởi kiện này của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn hoàn trả số tiền vốn là 50.000.000đ thì thấy:

Về số tiền vốn vay các bên đương sự không thống nhất với nhau về số tiền vốn, nguyên đơn bà L cho rằng vào năm 2012 bà đã đưa cho ông P số tiền để ông P đưa cho bà T vay là 50.000.000đ, lãi suất 3%/tháng, thời hạn vay là 02 năm, đóng lãi hàng tháng, sau khi vay bà T không thực hiện đúng hợp đồng do đó bà L đồng ý giảm lãi xuống chỉ tính 2%/tháng nhưng bà T cũng không thanh toán cho bà L số tiền nào. Phía bị đơn bà T cho rằng bà không quen biết bà L và không vay tiền của bà L, nhưng bà T thừa nhận có vay tiền của ông P vốn là 15.000.000đ, lãi suất 30%/tháng, trả góp lãi hàng ngày mỗi ngày 150.000đ, sau khi vay bà đã góp lãi cho ông P từ tháng 5 đến tháng 12 năm 2011 là 08 tháng lãi, từ tháng 01 đến tháng 07 năm 2012 bà chưa đóng lãi thêm cho ông P số tiền nào, đến ngày 27/7/2012 ông P kêu bà ký vào tờ biên nhận lập ngày 28/7/2012 nội dung bà có nợ 50.000.000đ. Nay theo yêu cầu của bà L bà không đồng ý mà chỉ đồng ý trả cho ông P số tiền 15.000.000đ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông P cho rằng vào năm 2012 bà T hỏi vay tiền của ông nhưng ông không có tiền nên có kêu bà L cho bà T vay 50.000.000đ và bà T có làm giấy biên nhận nợ cho bà L, sau khi vay bà T không thanh toán cho bà L số tiền nào. Việc bà T cho rằng ông cho bà T số tiền vốn là 15.000.000đ, nợ của 8 tháng lãi là 36.000.000đ, bà kêu ông P bớt 1.000.000đ, tổng cộng nợ là 50.000.000đ, vay với lãi suất 30%/tháng là không đúng sự thật bởi vì khi nhận tiền bà T đã đồng ý ký biên nhận vay 50.000.000đ cho bà L thì ông mới đưa tiền cho bà T. Nay ông cũng yêu cầu bà T phải có trách nhiệm thanh toàn cho bà L 50.000.000đ vốn và lãi theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn hoàn trả số nợ là 50.000.000đ và có cung cấp cho Toà án chứng cứ là tờ biên nhận lập ngày 27/7/2012, nội dung biên nhận ghi rõ bà T có nhận số tiền 50.000.000đ, bà T cũng thừa nhận chữ ký và chữ viết trong biên nhận là của bà T, từ đó đã có cơ sở để kết luận việc bà T có nhận tiền vay từ ông P 50.000.000đ là có thật, do đó việc bà L khởi kiện bà T yêu cầu hoàn trả số tiền trên là có căn cứ chấp nhận, và bà T phải có trách nhiệm thanh toán số nợ này cho ông P và bà L. Việc bà T nại ra rằng vào năm 2012 chỉ vay của ông P số vốn là 15.000.000đ, lãi suất 30%/tháng do không trả nên ông P gộp vốn và lãi lại thành 50.000.000đ, tuy nhiên bà T không cung cấp được bất cứ chứng cứ gì để chứng minh việc bà chỉ vay của ông P 15.000.000đ vốn và đã đóng lãi cho ông P 8 tháng lãi bằng 36.000.000đ, vì vậy không có căn cứ để xem xét, chấp nhận lời trình bày trên của bà T. Ngoài ra bà T còn cho rằng không quen biết bà L và không nhận tiền từ bà L do đó không đồng ý trả nợ theo yêu cầu của bà L. Hội đồng xét xử xét thấy: Tuy bà T không nhận tiền từ tay của bà L nhưng ông P đã trình bày là số tiền 50.000.00đ mà ông đưa cho bà T vay không phải tiền của cá nhân ông mà là tiền của bà L đưa cho ông để ông đưa cho bà T vay. Vì vậy cần xem số tiền 50.000.000đ mà bà T vay là của bà L và bà L có quyền khởi kiện đòi bà T hoàn trả số tiền trên là phù hợp.

Đối với với cầu của nguyên đơn yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật của thì tại phiên toà bà L thay đổi rút lại không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

Như đã phân tích ở trên, Hội đồng xét xử xét thấy bị đơn đã vi phạm hợp đồng, không thực hiện việc thanh toán nợ cho nguyên đơn theo hợp đồng mà các bên đã ký

kết làm ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn, do đó việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn hoàn trả vốn và lãi là có căn cứ để chấp nhận, cần xử buộc bà Nguyễn Ngọc T phải có trách nhiệm hoàn trả cho bà Vương Mỹ L số tiền vốn là 50.000.000đ là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận do đó bị đơn phải chịu toàn bộ án phí là 2.500.000đ và nguyên đơn được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về đường lối giải quyết vụ án là xử buộc bị đơn hoàn trả cho nguyên đơn số tiền là 50.000.000đ, ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39 khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 244; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280, của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Điều 463, Điều 465, Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1/. Xử buộc bị đơn bà Nguyễn Ngọc T phải có trách nhiệm hoàn trả cho nguyên đơn bà Vương Mỹ L số tiền vốn vay là 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng).*

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cuả người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015

2/ Án phí dân sự sơ thẩm:

- Nguyên đơn bà Vương Mỹ L không phải chịu án phí và được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.250.000đ (*Một triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng)* theo biên lại thu số 0000075, ngày 11/7/2016 của Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn bà Nguyễn Ngọc T phải chịu án phí là 2.500.000 (*Hai triệu năm trăm ngàn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND huyện Mỹ Xuyên;*
- *Chi cục THADS huyện MX;*
- *Lưu hồ sơ vụ án;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Mai Thị Dương Hải